

Số: **1898** /2008/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **11** tháng **11** năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 122/TTr-SNN ngày 26/8/2008, Công văn số 809/SNN-TC ngày 27/10/2008, và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2571/2005/QĐ-UBND ngày 07/11/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thủy sản Hải Phòng, Quyết định số 1961/2006/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thuộc thành phố căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Bộ NN & PTNT;
- Cục KTVBQPPL Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- PCVP, CVVP UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP UBND TP, SNV.


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Trịnh Quang Sử

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1898~~ **1898**/QĐ-UBND
ngày ~~11~~ **11** tháng ~~11~~ năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố) 

Chương I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Điều 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.


Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; quy hoạch phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của thành phố; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được thành phố giao;

b) Dự thảo văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của các chi cục trực thuộc Sở;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các tổ chức thuộc Sở; Trưởng, Phó phòng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; tham 

gia dự thảo quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực nông nghiệp của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân quận thuộc thành phố.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực ngành quản lý;

c) Ban hành quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp thành phố đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế-kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được thành phố giao.

4. Về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi):

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về: giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y (bao gồm cả thú y thủy sản), phòng, chống và khắc phục hậu quả dịch bệnh động vật, thực vật; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn thành phố theo quy định;

d) Tổ chức phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh đối với sản xuất nông nghiệp;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn thành phố sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

5. Về lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân các huyện, quận có rừng trên địa bàn thành phố;

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của thành phố sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác

định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho Ủy ban nhân dân các huyện, quận và Ủy ban nhân dân các xã, phường có rừng trên địa bàn thành phố sau khi được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân người nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Hải Phòng; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng tại Hải Phòng;

Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

d) Tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn thành phố. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng và chống dịch bệnh gây hại rừng, cháy rừng;

đ) Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng; giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện sau khi được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường trong quản lý, bảo vệ rừng tại Hải Phòng; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.


6. Về diêm nghiệp:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến muối ở Hải Phòng;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch dự trữ muối của thành phố sau khi được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Về thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức: khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của thành phố;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về xác lập các khu bảo tồn biển của Hải Phòng; quy chế quản lý khu bảo tồn biển do Hải Phòng quản lý và quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, 

hồ, đầm và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

đ) Tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện việc giao, cho thuê, thu hồi mặt nước biển thuộc thành phố quản lý để nuôi trồng thủy sản theo quy định;

e) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn thành phố theo quy định;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tàu cá, cảng cá, bến cá, tuyến bờ, khu neo đậu tránh trú bão của tàu cá và đăng kiểm tàu cá thuộc phạm vi quản lý của thành phố theo nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; về quy chế và tổ chức quản lý hoạt động của chợ thủy sản đầu mối.

8. Về thủy lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, các chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn Hải Phòng; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn Hải Phòng theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống lụt, bão; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lụt, bão, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn, sạt, lở ven sông, ven biển trên địa bàn thành phố;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi; tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; về hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V; việc quyết định phân lũ, chặm lũ để hộ đê trong phạm vi của thành phố theo quy định.

9. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về phát triển nông thôn trên địa bàn Hải Phòng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn;

việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn Hải Phòng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn Hải Phòng;

d) Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Hải Phòng;

đ) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xoá đói giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến đối với các ngành hàng và lĩnh vực cơ điện, ngành nghề, làng nghề nông thôn, bảo quản sau thu hoạch thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Tổ chức thực hiện công tác xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

11. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản.

12. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại Hải Phòng.

13. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật hoặc sự phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

14. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, diên biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản theo quy định.

15. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn Hải Phòng; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

16. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

17. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động

trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn của thành phố theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

18. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

19. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp thành phố đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

20. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn Hải Phòng.

21. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của thành phố theo quy định của pháp luật; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai về bão, lũ, lụt, sạt, lở, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản trên địa bàn thành phố.

23. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

24. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân thành phố.

25. Quản lý tài chính, tài sản của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

26. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

27. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm có:

1. Lãnh đạo Sở: có Giám đốc và 03 Phó giám đốc.

Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Báo cáo công tác của ngành trước Hội đồng nhân dân thành phố khi được yêu cầu.

Phó giám đốc là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một hoặc một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó giám đốc Sở do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức:

2.1. Tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở:

2.1.1. Văn phòng Sở;

2.1.2. Thanh tra Sở;

2.1.3. Phòng Kế hoạch-Tài chính;

2.1.4. Phòng Tổ chức-Cán bộ;

2.1.5. Phòng Trồng trọt;

2.1.6. Phòng Chăn nuôi;

2.1.7. Phòng Quản lý xây dựng công trình;

2.1.8. Phòng Nuôi trồng thủy sản;

2.1.9. Phòng Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản.

2.2. Chi cục quản lý chuyên ngành:

2.2.1. Chi cục Bảo vệ thực vật;

2.2.2. Chi cục Thú y;

2.2.3. Chi cục Kiểm lâm;

2.2.4. Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

2.2.5. Chi cục Thủy lợi;

2.2.6. Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt, bão;

2.2.7. Chi cục Phát triển nông thôn.

2.3. Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở:

2.3.1. Trung tâm Khuyến nông-Khuyến ngư;

2.3.2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;

2.3.3. Trung tâm Giống và Phát triển nông lâm nghiệp công nghệ cao;

2.3.4. Trung tâm Giống thủy sản;

2.3.5. Trung tâm Dịch vụ hậu cần thủy sản;

2.3.6. Trường Trung cấp nghề thủy sản;

2.3.7. Vườn Quốc gia Cát Bà;

2.3.8. Ban quản lý Dự án các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 5. Biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ǝ

Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố; căn cứ các quy định về chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xác định biên chế hành chính của Sở trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ hàng năm.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ quy định của pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn được giao để tổ chức thực hiện Quy định này; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở; ban hành quy chế làm việc, mối quan hệ phối hợp công tác nội bộ của Sở và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện.

Phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập các tổ chức sự nghiệp, các chi cục thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung của Quy định cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Trịnh Quang Sử